

Số : 2547/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao 130.221,0 m² đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh để quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5544/TTr-STNMT ngày 02/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 130.221,0 m² đất tại xã An Cơ, huyện Châu Thành cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý.

- Nguồn gốc đất:

+ Diện tích đất 114.348,6 m² do UBND huyện Châu Thành quản lý tại Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 01/10/2014, UBND tỉnh đã ban hành quyết định thu hồi đất.

+ Diện tích đất 15.872,4 m² do UBND huyện Châu Thành đang quản lý.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản Trích đo chính lý bản đồ địa chính số 100 SĐ/TĐ-CL, tỷ lệ 1:4.000 do Công ty TNHH MTV Đo đạc bản đồ Bình An lập ngày 20/9/2018 và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 02/10/2018.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Châu Thành, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện việc chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. UBND huyện Châu Thành có trách nhiệm:

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc chủ trì, phối hợp với UBND xã An Cơ và các đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất ngoài thực địa cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

- Chỉ đạo chỉnh lý hồ sơ địa chính từng cấp theo đúng quy định.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh có trách nhiệm quản lý diện tích đất được giao theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Châu Thành, Chủ tịch UBND xã An Cơ, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *lg*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LD VP + CV KTN;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh

(Hài: 10, QĐ, 13ha, GP)

12

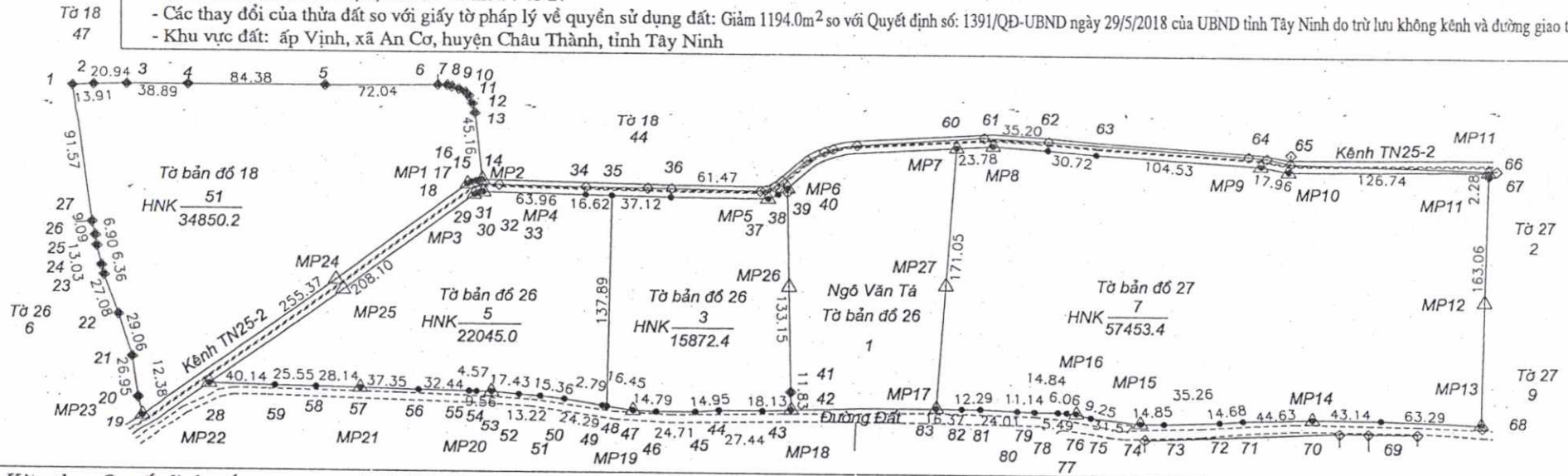
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

BẢN TRÍCH ĐO CHÍNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

- Tên tổ chức đề nghị trích đo chính lý: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH TÂY NINH
- Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- Mục đích trích đo chính lý: Kêu gọi đầu tư thực hiện dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại khu đất xã An Cơ, huyện Châu Thành
- Mục đích sử dụng đất theo hiện trạng: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK)
- Mục đích sử dụng đất xin lập thủ tục: Thu hồi đất - giao đất để kêu gọi đầu tư
- Diện tích :130221.0m² (Trong đó: Diện tích thửa 51: 34850.2m² ; thửa 3: 15872.4m² ; thửa 5: 22045.0m² ; thửa 7: 57453.4m²)
- Trích đo chính lý từ các thửa: 51 từ 18, 3, 5 từ 26, 7 từ 27
(Thửa: 51; 3; 5; 7 có diện tích là: 131415.0m² theo Quyết định số: 1391/QĐ-UBND ngày 29/5/2018)
- Tờ bản đồ số: 18, 26, 27 - xã An Cơ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- Thửa đất mới: 51 từ 18; 3, 5 từ 26 và thửa 7 từ 27
- Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất: Giảm 1194.0m² so với Quyết định số: 1391/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh do trừ lưu không kênh và đường giao thông mở rộng
- Khu vực đất: ấp Vĩnh, xã An Cơ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh



Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày/...../..... của UBND tỉnh Tây Ninh

Ngày 20 tháng 09 năm 2018 Đơn vị đo đạc	Ngày 27 tháng 09 năm 2018 Ủy ban nhân dân xã An Cơ (Ký xác nhận phù hợp hiện trạng)	Ngày 01 tháng 10 năm 2018 Chi cục Quản lý đất đai	Ngày 01 tháng 10 năm 2018 Sở Tài Nguyên và Môi Trường
 Nguyễn Thanh Sang	 KT. CHỦ TỊCH Đ. CHỦ TỊCH Lê Hoài Bảo	 CHI CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI Biện Hoàn Vũ	 PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Tỉnh Tây Ninh Nguyễn Tiên Dũng

Hiện trạng tỉ lệ: 1/400

- Ghi chú:
- Ranh giới khu đất do chủ đầu tư hướng dẫn
 - Ranh BĐDC
 - : Trụ bê tông hiện trạng
 - △ : MP1, MP2, : 27 mốc
 - * Bản đồ này không thay thế GCN QSDĐ, QSHNở và TSKGL với đất

Toạ độ và chiều dài cạnh thửa

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1262086.42	551515.96	
2	1262087.07	551529.85	13.91
3	1262087.65	551550.78	20.94
4	1262087.75	551589.67	38.89
5	1262087.59	551674.05	84.38
6	1262088.38	551746.08	72.04
7	1262088.25	551752.24	6.16
8	1262087.36	551755.09	2.98
9	1262085.78	551759.59	4.77
10	1262083.68	551763.54	4.47
11	1262081.35	551765.65	3.14
12	1262076.03	551768.04	5.84
13	1262070.03	551769.72	6.23
14	1262025.11	551774.40	45.16
15	1262024.98	551772.80	1.60
16	1262024.61	551770.53	2.30
17	1262023.57	551767.39	3.30
18	1262022.19	551764.82	2.92
19	1261869.22	551560.33	255.37
20	1261881.28	551557.54	12.38
21	1261907.97	551553.81	26.95
22	1261935.67	551545.01	29.06
23	1261961.15	551535.82	27.08
24	1261967.30	551534.22	6.36
25	1261979.98	551531.23	13.03
26	1261986.80	551530.22	6.90
27	1261995.66	551528.17	9.09
1	1262086.42	551515.96	91.57

Toạ độ và chiều dài cạnh thửa

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
28	1261890.76	551602.49	
29	1262015.42	551769.12	208.10
30	1262016.19	551770.56	1.63
31	1262016.81	551772.44	1.99
32	1262017.03	551773.79	1.36
33	1262017.14	551775.01	1.22
34	1262015.58	551838.95	63.96
35	1262015.21	551885.55	16.62
36	1262014.39	551892.67	37.12
37	1262013.91	551954.14	61.47
38	1262016.76	551960.51	6.98
39	1262020.48	551965.97	6.60
40	1262020.82	551966.34	0.50
41	1261887.69	551968.62	133.15
42	1261875.86	551968.79	11.83
43	1261875.12	551950.67	18.13
44	1261875.22	551923.23	27.44

Toạ độ và chiều dài cạnh thửa

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
45	1261874.12	551908.32	14.95
46	1261874.09	551883.61	24.71
47	1261874.69	551868.83	14.79
48	1261877.36	551852.61	16.45
49	1261877.81	551849.86	2.79
50	1261882.08	551825.95	24.29
51	1261883.97	551810.71	15.36
52	1261884.89	551797.52	13.22
53	1261886.63	551780.18	17.43
54	1261886.69	551770.62	9.56
55	1261886.83	551766.06	4.57
56	1261887.41	551733.62	32.44
57	1261888.46	551696.28	37.35
58	1261889.09	551668.16	28.14
59	1261889.55	551642.61	25.55
28	1261890.76	551602.49	40.14

Toạ độ và chiều dài cạnh thửa

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
60	1262047.95	552073.13	
61	1262049.26	552096.87	23.78
62	1262047.01	552132.00	35.20
63	1262044.25	552162.60	30.72
64	1262037.04	552266.88	104.53
65	1262033.56	552284.50	17.96
66	1262034.25	552411.24	126.74
67	1262031.98	552411.23	2.28
68	1261869.00	552406.16	163.06
69	1261871.57	552342.92	63.29
70	1261871.86	552299.78	43.14
71	1261870.77	552255.16	44.63
72	1261869.53	552240.54	14.68
73	1261868.41	552205.30	35.26
74	1261868.38	552190.45	14.85
75	1261872.12	552159.10	31.57
76	1261874.73	552150.23	9.25
77	1261875.23	552144.19	6.06
78	1261875.43	552138.71	5.49
79	1261875.63	552123.87	14.84
80	1261875.98	552112.73	11.14
81	1261877.13	552088.75	24.01
82	1261876.94	552076.46	12.29
83	1261877.40	552060.10	16.37
60	1262047.95	552073.13	171.05

BẢN CÁC THỬA ĐẤT CHÍNH LÝ (**)

Thông tin biến động	Stt thửa đất	Tờ bđô	MLĐất	Chủ sđđ theo hiện trạng	DT thửa đất đã được chỉnh lý
Thửa đất tách	51	18	HNK	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH TÂY NINH	131415.0m ² (theo Quyết định số: 1391/QĐ-UBND ngày 29/5/2018)
	3	26	HNK		
	5	26	HNK		
	7	27	HNK		
Thửa đất hợp					
Thửa đất mới sau chỉnh lý	51	18	HNK	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH TÂY NINH	34850.2m ²
	3	26	HNK		15872.4m ²
	5	26	HNK		22045.0m ²
	7	27	HNK		57453.4m ²
Tổng cộng:					130221.0m ²